

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Thanh Nguyên.

2. Ông Bùi Ánh Dương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST-HNGĐ Ngày 03/3/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Li - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Vi Văn T1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vi Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh L. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Do đó, đầu năm 2019 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã K, huyện V sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không hàn gắn hạnh phúc được. Đến tháng 6/2020 anh Vi Văn T bị bắt đi cai nghiện ma túy với thời hạn là 12 tháng tại cơ sở cai nghiện ma túy số 01 tỉnh L. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con: Chị và anh Vi Văn T có 01 con chung là cháu Vi Mạnh C, sinh ngày 07/12/2014. Hiện cháu đang sống cùng chị, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Mạnh C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị và anh Vi Văn T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị và anh Vi Văn T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Vi Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của chị Lương Thị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, việc anh nghiện chất ma túy và bị bắt đi cai nghiện 12 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh L, hiện nay anh đã chấp hành xong quyết định cai nghiện và trở về địa phương. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng anh cho rằng mặc dù bị nghiện chất ma túy nhưng anh vẫn quan tâm đến vợ con, chị T mới là người bỏ mặc, không quan tâm đến anh. Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai anh không nhất trí ly hôn nhưng tại đơn xét xử vắng mặt gửi Tòa án thì đến nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định anh và chị T có 01 con chung, cháu Vi Mạnh C, sinh ngày 07/12/2014. Ly hôn anh nhất trí giao cháu Vi Mạnh C cho chị Lương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ủy ban nhân dân xã L cung cấp thông tin: Việc đăng ký kết hôn và anh chị có 01 con chung là cháu Vi Mạnh C như các đương sự trình bày là đúng.

Công an xã L xác nhận: Anh Vi Văn T và chị Lương Thị T không chung sống với nhau từ đầu năm 2019 và chị T chuyển về sống cùng Bố, Mẹ đẻ ở xã K, huyện V. Anh T nghiện chất ma túy và ngày 08/6/2020 bị bắt đi cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng.

Chị Lương Thị T và anh Vi Văn T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 04/5/2021, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho anh T, anh Tư không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật tố tụng Dân sự.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 228, 229, 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Vi Văn T.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Vi Mạnh C, sinh ngày 07/12/2014 cho chị Lương Thị T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Vi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu án phí vụ án theo quy định Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lương Thị T khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Vi Văn T, nơi cư trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Các đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người làm chứng có lời khai trong quá trình điều tra, vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Lương Thị T và anh Vi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh L như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh tại địa phương và chứng cứ do đương sự cung cấp xác định sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T đua đòi cùng bạn bè dẫn đến nghiện chất ma túy nên không tu chí làm ăn, bỏ bê không quan tâm đến gia đình, con cái. Chị T đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi nên đến năm 2019 chị T đã bỏ về nhà Bố, Mẹ đẻ tại thôn B, xã K sinh sống và vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa cả về tình cảm cũng như kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Đến ngày 08/6/2020 anh T bị bắt buộc cai nghiện tập trung với thời hạn 12 tháng. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn, anh T cũng nhất trí. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của khởi kiện chị Lương Thị T về việc ly hôn với anh Vi Văn T.

[4] Về nuôi con chung: Xét thấy, chị Lương Thị T và anh Vi Văn T có 01 con chung là cháu Vi Mạnh C, sinh ngày 07/12/2014. Chị T, anh T đã thống nhất việc người trực tiếp nuôi con. Chị T có thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000đ, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu C. Anh T mới chấp hành xong quyết định cai nghiện bắt buộc, chưa có việc làm, thu nhập. Mặt khác cháu C hiện đang sống cùng chị T, do đó tiếp tục giao cháu C cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp và đảm bảo được cuộc sống cũng như học tập của cháu C.

[5] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Vi Văn T.

- Về nuôi con: Chị Lương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Mạnh C, sinh ngày 07/12/2014 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Anh Vi Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2/ Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2012/0001752 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Lương Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Vi Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã L(01);
- Chi cục THADS(01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái